

Tìm hiểu tại sao Tân Phúc-Âm-hóa

Toàn thể Giáo hội hôm nay đang tập trung quan tâm đến Tân Phúc-Âm-hóa. Năm 2010 Đức Bênêđictô XVI lập Hội Đồng Tòa Thánh lo thúc đẩy việc Tân Phúc-Âm-hóa, đến năm 2012 ngài họp Thượng Hội đồng Giám mục thế giới khóa 13 bàn về đề tài “*Tân Phúc-Âm-hóa để thông truyền Đức tin Kitô giáo*”. Vì thế ta sẽ cố gắng tìm hiểu một lần đến nơi đến chốn, để cảm thông với Giáo hội và góp phần vào việc Tân Phúc-Âm-hóa. Ta sẽ tìm hiểu về ý nghĩa mỗi chữ rồi đến ý nghĩa các cụm từ.

1. Ý nghĩa mỗi chữ

Trong tập Bài giảng Chúa Nhật của Tòa Tổng Giám Mục Sài Gòn, tháng 2-2013, mục “*Mỗi tháng một từ*”, linh mục Huỳnh Trụ đã có bài viết nghiên cứu đầy đủ; ở đây chỉ tóm tắt những gì cốt yếu giúp ta hiểu thôi.

– *Nghĩa chữ “Tân”*: Tân có 12 chữ Hán, nghĩa chính là: “mới”, thay đổi cho mới, những cái mới, những gì mới xuất hiện.

– *Nghĩa chữ “Phúc”*: Phúc có 9 chữ Hán, nghĩa chính là: những sự tốt lành, điều may, những điều tốt đẹp trời đất ban để thỏa mãn nguyện vọng của con người.

– *Nghĩa chữ “Âm”*: Âm có 11 chữ Hán, nghĩa chính là tiếng phát ra bởi vật thể bị chấn động, tin tức.

– *Nghĩa chữ “Hóa”*: Hóa có 2 chữ Hán, nghĩa chính là dạy, giáo dục, thay đổi, biến chất. Nếu đặt sau danh từ hay tính từ thì có nghĩa là chuyên biến trạng thái hay tính chất của vật, làm cho trở thành, biến thành, làm cho thấm nhuần.

Trong cụm từ Tân Phúc-Âm-hóa phải lưu ý phân biệt, nếu coi Tân là bổ nghĩa cho Phúc-Âm-hóa thì mới hiểu được là việc hay công cuộc Phúc-Âm-hóa được đổi mới, canh tân. Nếu coi Tân chỉ bổ nghĩa cho Phúc Âm mà thôi thì sẽ là Phúc Âm mới: ta nghĩ xem có Phúc Âm mới không, nếu có thì nó thế nào? Ta phải nắm vững ngay rằng không bao giờ có Phúc Âm mới, vì chỉ có một Phúc Âm duy nhất mà Đức Giêsu Kitô đem đến cho mọi người “Đức Giêsu Kitô hôm qua, hôm nay và mãi mãi là một” (Dt,13,8). Ta sẽ tiếp tục tìm hiểu ý nghĩa các cụm từ.

2. Phúc Âm

Phúc Âm hay Tin Mừng là cụm từ dịch tiếng Hi Lạp *euaggelion* nghĩa là tin vui thắng trận. Thời trước đây quen gọi là Evan: đọc Evan, sách Evan. Sau mới dịch là Phúc Âm. Linh mục Phan Tấn Thành cho biết: “Hồi còn nhỏ cách đây 60 năm khi đi lễ Chúa Nhật tôi được nghe đọc sách Evan. Khi đi tu cách đây 55 năm tôi được nghe đọc sách Phúc Âm”. Từ thập niên 60, chữ Phúc Âm được phổ biến khắp Việt Nam:

sách Phúc Âm, rao giảng Phúc Âm, các lời khuyên Phúc Âm. Sang thập niên 90, thấy từ Tin Mừng dần dần xuất hiện trong Thánh đường, rồi trong sách vở (xem *Hiệp Thông* số 73 tháng 11 & 12). Có người đoán rằng Phúc Âm là tiếng Hán, được dùng từ thời các cố, các cụ già xưa, người bình dân sau này khó hiểu; còn Tin Mừng là tiếng Nôm, tiếng Việt dễ hiểu, gần với tin lành, tin vui, như tin trúng số, tin thi đậu... Tuy nhiên, theo linh mục Huỳnh Trụ thì Tin Mừng chỉ có nội dung đơn giản (tin chiến thắng, tin vui, tin lành) còn Phúc Âm thì có nội dung rất phong phú, sâu sắc, bao hàm nhiều điều tốt đẹp may mắn trời đất cho, để con người được thỏa mãn mơ ước của mình, lại gần với triết lý và văn hóa Đông Phương, có Ngũ Phúc hay Phúc Lộc Thọ, nhất là có thể hội nhập với giáo lý Kitô giáo. Từ Phúc Âm có nghĩa tuyệt vời như vậy, tại sao lại thích từ mới là Tin Mừng, chỉ gọi ra ý nghĩa hạn hẹp nghèo nàn. Vì thế trong bài này tôi sẽ dùng Phúc Âm thay Tin Mừng, mặc dầu rất nhiều tài liệu vẫn dùng cả Phúc Âm và Tin Mừng lẫn lộn (nhưng không thấy dùng “những lời khuyên Tin Mừng” và cũng không thấy dùng “Tin Mừng hóa”). Bây giờ ta tìm hiểu ý nghĩa cụm từ Phúc Âm. Cụm từ Phúc Âm bao hàm một nội dung rất gần gũi với đức tin Kitô giáo, có thể hiểu cụm từ này theo 3 nghĩa:

- *Phúc Âm của Đức Kitô* (có từ đầu thế kỷ I)
- *Phúc Âm về Đức Giêsu Kitô* (có từ giữa thế kỷ I)
- *Phúc Âm là sách ghi chép về cuộc đời và giáo huấn của Đức Giêsu Kitô* (có từ thế kỷ II)

2.1 *Phúc Âm của Đức Kitô*: là tin đem lại hạnh phúc do chính Đức Giêsu Kitô là Con Đức Chúa Cha được cử đến trần gian, để báo cho mọi người biết rằng: Thiên Chúa Ba Ngôi vì tình yêu đã sáng tạo vũ trụ và con người, chia sẻ hạnh phúc cho con người. Nhưng con người nghe ma quỷ cám dỗ không muốn vâng phục Thiên Chúa rồi sa ngã trong tội lỗi, đau khổ triền miên. Thiên Chúa vẫn thương, đã cử Đức Giêsu Kitô đến trần gian, không những để *báo tin* Thiên Chúa sẽ cứu rỗi, và còn trao cho Đức Giêsu Kitô sứ vụ *cứu rỗi* bằng hiến mạng sống cứu chuộc tội lỗi loài người, để *quy tụ* tất cả mọi vật mọi người về hưởng hạnh phúc trong nước Thiên Chúa (Sách *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*, số 516-518). Như thế nội dung của Phúc Âm của Đức Giêsu Kitô là: Thiên Chúa yêu thương con người đã cứu rỗi và cứu chuộc con người. Và lịch sử Giáo hội là lịch sử việc Đức Giêsu Kitô loan báo Phúc Âm và thiết lập Nước Thiên Chúa ở trần gian, đem lại hạnh phúc thật cho con người. Muốn hiểu đúng và sâu nội dung này ta cần tìm hiểu hai từ then chốt là cứu rỗi và cứu chuộc.

Cứu rỗi và *cứu chuộc* đều là chữ Nôm, tiếng của nhà đạo, các tôn giáo khác như Không, Phật, Lão giáo không dùng. *Cứu rỗi* là kéo ra khỏi sự dữ, sự hư mất do tội lỗi, và phục hồi sự toàn vẹn. *Cứu chuộc* là giải thoát bằng chuộc lại, tìm cách lấy lại cái mình đã làm mất, hoặc đền bù để khỏi bị phạt. Cứu rỗi có nghĩa chung là cứu vớt linh hồn, còn cứu chuộc là cứu rỗi bao gồm việc phải trả giá. Vì thế Thiên Chúa và Đức Giêsu Kitô cứu rỗi, nhưng chỉ mình Đức Giêsu Kitô cứu chuộc. Hai từ này có nghĩa sâu sắc diễn tả đầy đủ rõ ràng công trình cứu rỗi của Thiên Chúa. Thế mà gần đây có nhiều người coi cứu rỗi cứu chuộc là tiếng nôm cổ, do các cố các cụ đặt ra, và thay bằng cứu độ, lấy có là tiếng mới, ngắn gọn, nhiều người dùng. Thực ra, theo linh mục Huỳnh Trụ, cứu độ là từ Hán Việt, bên Phật Giáo thường dùng, có nghĩa là cứu giúp như đưa qua từ bờ mê sang bờ ngộ, không bao hàm trọn vẹn ý nghĩa cứu rỗi và cứu chuộc mà chỉ có Thiên Chúa mới làm được. Vì thế không nên chọn cái tưởng là mới là hay mà chỉ có ý nghĩa hạn hẹp chung chung, để bỏ hai từ then chốt trong Kitô giáo (xem *Tìm hiểu từ vựng Công giáo* của linh mục Huỳnh Trụ).

2.2 *Phúc Âm về Đức Giêsu Kitô*, là lời rao giảng của các tông đồ và môn đệ về Đức Giêsu Kitô và ơn cứu rỗi cứu chuộc do Người mang đến, nghĩa là bao gồm Phúc Âm của Đức Giêsu Kitô như vừa kể ở trên đồng thời cả cuộc đời Đức Giêsu Kitô từ khi giáng sinh, sống ở Nadarét, đi giảng Phúc Âm, chịu tử hình thập giá, sống lại và về trời, sống với Chúa Cha, với Chúa Thánh Thần và với mọi người.

2.3 *Phúc Âm là những sách* ghi chép lại cuộc đời và giáo huấn của Đức Giêsu Kitô. Ta biết việc Đức Giêsu Kitô sống trên trần gian không có ai ghi chép lại, nhưng các tông đồ và các môn đệ sống chung với Người đã ghi nhớ tất cả và loan báo truyền thông cho mọi người. Khi các ngài về già, một số môn đệ đã thu thập những gì được truyền miệng để ghi chép lại thành sách, truyền miệng bằng tiếng Aram và Hi Lạp, còn sách thì trước hết là sách Phúc Âm theo Thánh Maccô, rồi đến Phúc Âm theo Thánh Matthêu, Phúc Âm theo Thánh Luca, sau hết là Phúc Âm theo Thánh Gioan, viết bằng tiếng Hi Lạp.

Tóm lại Phúc Âm của Đức Giêsu Kitô và các sách Phúc Âm làm thành nền tảng duy nhất không thể thay đổi để Giáo hội loan báo cho mọi người khắp thế giới cho đến khi Đức Giêsu Kitô lại đến, bởi vì Đức Giêsu Kitô vừa là Phúc Âm vừa là người loan báo Phúc Âm của Thiên Chúa vốn đã được loan báo trong lịch sử Israel qua các ngôn sứ, và được hứa trong Kinh Thánh, Đức Giêsu Kitô là tâm điểm của Phúc Âm, là người đầu tiên và vĩ đại nhất của việc Phúc-Âm-hóa: Phúc Âm của Người và chính Người là một.

3. Phúc-Âm-hóa

Phúc-Âm-hóa là cụm từ dịch tiếng La tinh (*evangelisatio*), xuất hiện từ thế kỷ XIX bên Âu Châu, được Công đồng Vatican II sử dụng, với ý nghĩa là loan báo, truyền giảng, đem Phúc Âm đến cho tất cả mọi tầng lớp nhân loại, để nhờ ảnh hưởng của Phúc Âm biến đổi nhân loại từ bên trong, và làm cho nhân loại nên mới (xem Tông huấn *Loan Báo Phúc Âm* của Đức Phaolô VI). Nói cách khác, đó là hoạt động đem các giá trị Phúc Âm thấm nhuần vào các thực tại trần thế như men trong bột, để biến đổi mọi sự cho phù hợp với tinh thần Phúc Âm. Nếu đến thế kỷ XIX mới dùng cụm từ này với ý nghĩa vừa kể, thì từ thời Đức Giêsu Kitô và các tông đồ cho đến thế kỷ XIX có Phúc-Âm-hóa không? Chắc chắn là có, và Đức Giêsu Kitô cũng như các tông đồ đã Phúc-Âm-hóa một cách tuyệt vời, chỉ chưa được gọi bằng cụm từ Phúc-Âm-hóa mà thôi. Hơn nữa việc Phúc-Âm-hóa của Đức Giêsu Kitô và các tông đồ còn là nền tảng, là mẫu mực cho mọi cuộc Phúc-Âm-hóa của Giáo hội cho đến ngày Đức Giêsu Kitô lại đến. Ta cần nắm vững việc Phúc-Âm-hóa này để có thể hiểu một cách dễ dàng tại sao lại phải Tân Phúc-Âm-hóa ngày nay.

3.1 *Việc Phúc-Âm-hóa của Đức Giêsu Kitô*. Đức Giêsu Kitô đã Phúc-Âm-hóa bằng cách nào, cho ai, ở đâu và kết quả ra sao?

a/ *Phúc-Âm-hóa bằng dùng ngôn ngữ bình dân* (tiếng Aram), dễ hiểu, với các dụ ngôn rút ra từ các chuyện trong đời thường, vừa đơn sơ dễ hiểu, vừa thâm thúy sâu sắc, để loan báo Phúc Âm cho mọi người.

b/ *Phúc-Âm-hóa bằng toàn bộ đời sống của Người* (từ khi sinh ra đến khi chịu chết, sống lại, về trời) đối với Thiên Chúa và mọi người:

- *Với Thiên Chúa*: người luôn hiệp thông trong vâng phục hoàn toàn ý Chúa Cha, luôn liên hợp với Chúa Thánh Thần để cùng hoạt động cho Phúc Âm.

Chính sự liên hợp với Chúa Thánh Thần tạo nên cái mà nhà thần học Paul Tihon gọi là năng động của Phúc Âm. Năng động là sức mạnh sống động có khả năng tác động tích cực làm biến đổi thế giới chung quanh. Năng động của Phúc Âm là sức mạnh sống động của Đức Giêsu Kitô liên hợp với Chúa Thánh Thần, giống như ánh sáng, muối men có khả năng biến đổi, nhân văn hóa và siêu nhiên hóa cả cá nhân lẫn xã hội (xem Paul Tihon, *Pour libérer L'Évangile*, trang 106).

- *Với mọi người*: Chính nhờ năng động của Phúc Âm mà Đức Giêsu Kitô đi bước trước đến với mọi người, ưu tiên cho người nghèo, bệnh tật, đau khổ, bị gạt ra bên lề xã hội, để cảm thông, chia sẻ, chữa lành, phục vụ họ. Đức Giêsu Kitô sống hiền lành, khiêm nhường, khó nghèo, không kỳ thị ai. Người còn tin nhiệm chọn gọi một số người làm tông đồ, lập thành Giáo hội của Người để cộng tác như bạn hữu của Người. Cuối cùng Người hiến thân chịu chết trên thập giá như hiến tế cứu chuộc toàn thể nhân loại.

c/ Đức Giêsu Kitô đã Phúc-Âm-hóa người Do Thái là dân riêng của Thiên Chúa trước hết, nhưng cũng muốn Phúc-Âm-hóa tất cả mọi người mà Người gặp trên đất Palestin, những người có thiện cảm cũng như những người chống đối và thù nghịch.

d/ *Kết quả việc Phúc-Âm-hóa của Người* là biến đổi nhiều người thành tông đồ, thành môn đệ trong Giáo hội Người, tin theo Người và Phúc Âm của Người, sống theo lối sống của Người với Thiên Chúa với mọi người, sẵn sàng sống chết để làm chứng về Người, và tiếp nối sứ vụ Người trao cho. Nhưng quan trọng và cao quý hơn hết là Đức Giêsu Kitô làm vinh danh Chúa Cha, cứu chuộc mọi người mọi vật sinh ra trên trần, từ khởi thủy cho đến tận thế. Việc Phúc-Âm-hóa của Người đã được ghi chép trong các sách Phúc Âm.

3.2 *Việc Phúc-Âm-hóa của các tông đồ và môn đệ đầu tiên*. Nhận huấn lệnh đi khắp thế giới để Phúc-Âm-hóa, các ngài Phúc-Âm-hóa thế nào, cho ai, ở đâu và kết quả thế nào?

a/ Các ngài Phúc-Âm-hóa bằng loan báo Phúc Âm của Đức Giêsu Kitô cùng với Phúc Âm về Đức Giêsu Kitô nghĩa là gồm cả cuộc đời của Đức Giêsu Kitô trên trần gian. Phúc-Âm-hóa bằng can đảm mạnh dạn đi loan báo Phúc Âm cho muôn dân, biến đổi họ thành môn đệ Đức Giêsu Kitô. Nhờ năng động do Thánh Thần của Đức Giêsu Kitô ban cho, các ngài tìm lời lẽ thích hợp với dân chúng để họ dễ hiểu, hội nhập Phúc Âm vào văn hóa của họ như diễn từ của Thánh Phaolô ở Athen (Cv 17,22-32). Lúc đầu dùng tiếng Aram, về sau ghi chép lời giảng thành sách Phúc Âm, rồi còn ghi chép công việc Phúc-Âm-hóa của các ngài trong sách Công vụ các tông đồ và trong các thư gửi các giáo đoàn.

b) *Phúc-Âm-hóa bằng chính đời sống* noi gương Đức Giêsu Kitô để - sống với Thiên Chúa, cùng nhau chuyên cần cầu nguyện, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, ca tụng Thiên Chúa (Cv 2, 42.47) - sống với mọi người theo lối sống của Đức Giêsu Kitô, hòa nhập với mọi người, luôn hiệp thông với nhau, để của chung rồi chia sẻ cho nhau tùy theo nhu cầu (Cv 2,42-44) với thái độ hiền lành, khiêm tốn, khó nghèo “sống như Chúa Kitô sống trong mình” (Gl 2,20). Đến cuối đời hầu hết các ngài đã tử vì đạo để làm chứng cho Phúc Âm và trở thành hạt giống trở sinh các Kitô hữu.

c) Phúc-Âm-hóa người Do Thái và cả những người không phải Do Thái như Hi Lạp, Rôma hay các dân tộc khác ở đất Palestin. Các ngài tuyên xưng đức tin trước giáo

quyền Do Thái, dù bị cấm cách bách hại, và cũng làm chứng về Phúc Âm cho cả các nhà cầm quyền Rôma dù bị cầm tù và phải tử vì đạo.

d) *Kết quả việc Phúc-Âm-hóa* của các ngài là biến đổi được nhiều người trở thành Kitô hữu (bạn của Đức Giêsu Kitô) khiến cộng đoàn ở Giêrusalem mỗi ngày một đông. Khi bị cấm cách, các ngài di tản đến các vùng chung quanh rồi lan tràn khắp đế quốc Rôma để lập nên rất nhiều cộng đoàn Kitô hữu. Mặc dù việc Phúc-Âm-hóa của các ngài bị giáo quyền Do Thái và nhà cầm quyền Rôma cấm đoán bách hại, nhưng chính nhờ thế mà Phúc Âm được loan báo khắp đế quốc Rôma. Việc Phúc-Âm-hóa này được ghi chép trong sách Công vụ các tông đồ, trong các thư gửi các giáo đoàn và trong sách Khải huyền. Tất cả cùng với 4 sách Phúc Âm làm thành sách Tân ước, được viết bằng tiếng Hi Lạp, để mọi người đã được nghe còn có thể đọc nữa.

3.3 *Việc Phúc-Âm-hóa của Giáo hội.* Đức Giêsu Kitô khi ở trần gian đã Phúc-Âm-hóa trong 33 năm, sau đó các tông đồ và môn đệ tiếp tục sứ vụ của Người để Phúc-Âm-hóa đến hết thế kỷ I. Từ thế kỷ II Giáo hội Phúc-Âm-hóa cho đến ngày nay trong suốt 20 thế kỷ, thời gian vừa dài vừa đầy những biến chuyển mới lạ, cần chia làm nhiều thời kỳ để tìm hiểu thấu đáo hơn.

Xin chia ra 3 thời kỳ:

- Thời kỳ 1 từ thế kỷ II đến thế kỷ V
- Thời kỳ 2 từ thế kỷ V đến thế kỷ XV
- Thời kỳ 3 từ thế kỷ XV đến nay

- Thời kỳ 1, từ thế kỷ II đến thế kỷ V

Những ai chủ động trong việc Phúc-Âm-hóa, Phúc-Âm-hóa bằng cách nào, cho ai, ở đâu và kết quả như thế nào?

a/ *Giáo Hội loan báo Phúc Âm* do sáng kiến của các cá nhân là môn đệ của các tông đồ đã được Phúc-Âm-hóa và lãnh nhận năng động của Phúc Âm, để tiếp tục loan báo *Phúc Âm của Đức Giêsu Kitô* cùng với *Phúc Âm về Đức Giêsu Kitô* như các tông đồ đã làm. Phúc Âm này được ghi chép thành sách (thế kỷ II) là sách Tân Ước bằng tiếng Hi Lạp. Đến thế kỷ thứ IV, thánh Hiêrônymô lại dịch sang tiếng Latinh để Kitô hữu Rôma có thể dùng. Giáo hội còn tóm lược giáo lý trong Kinh Tin Kính, Lạy Cha, và trong các bí tích Rửa tội, Thêm sức, Thánh Thể. Giáo hội tiếp xúc với mọi người tùy theo hoàn cảnh sinh sống và nghề nghiệp. Đến thế kỷ thứ IV khi Giáo hội được tự do hoạt động thì các mục tử tổ chức các *khóa dự tòng*, dạy giáo lý cho người xin vào đạo để khai tâm cho họ.

b/ *Giáo hội Phúc-Âm-hóa bằng đời sống* noi gương Đức Giêsu Kitô và các tông đồ, đề: - *đối với Chúa* vẫn giữ truyền thống các tông đồ, là chuyên cần cầu nguyện, suy gẫm Phúc Âm, lãnh các bí tích, - *đối với nhau và với mọi người* là luôn hiệp thông trong tình huynh đệ, chia sẻ cho nhau trong các cuộc lạc quyền, cứu trợ (xem 2 Cr 8, 1-9,15), sống hiền lành, khiêm tốn, khó nghèo và sẵn sàng làm chứng cho Phúc Âm bằng tử đạo như các Kitô hữu đi trước.

c/ *Giáo hội Phúc-Âm-hóa những người sống chung quanh* cộng đồng mình, người buôn bán hoặc làm nghề với mình, cả những nô lệ hoặc địa chủ và công chức của đế quốc Rôma. Nhưng Giáo hội bắt đầu gặp các tà giáo gây chia rẽ (xem sách Khải huyền đoạn 12 và 13).

d/ *Kết quả*: Giáo hội có sách Phúc Âm bằng tiếng Hi Lạp cho người Hi Lạp, bằng tiếng La tinh cho người Rôma để học Phúc Âm thường xuyên hơn, Giáo hội biết hội nhập Phúc Âm vào văn hóa Hi Lạp Rôma, tổ chức cộng đoàn có Đức Giáo Hoàng đầu tiên là Linô kế vị thánh Phêrô, các giám mục, linh mục, phó tế hướng dẫn các Kitô hữu, có cơ chế để cử hành phụng vụ Thánh Thể. Nhất là Giáo hội có các giám mục gương mẫu về thánh thiện và khôn ngoan, gọi là *các giáo phụ*, dạy dỗ về Kinh Thánh, giáo lý, bảo vệ đức tin chống các bè rối mới nổi lên, như Thánh Giustinô, Irênê, Augustinô... các ngài là những nhà thần học đầu tiên. Điều đáng ghi nhớ là Giáo hội vẫn đang sống như “Giáo hội hàm trú” vì trung thành với Phúc Âm, và đã có cả trăm ngàn Kitô hữu tử vì đạo. Kết quả độc đáo hơn cả là Giáo hội đã *Phúc-Âm-hóa được hoàng đế Rôma* là Constantinô, nên Giáo hội được tự do Phúc-Âm-hóa trên toàn đế quốc Rôma, về sau hoàng đế Rôma còn chọn Kitô giáo làm quốc giáo. Nhưng các bè rối mới nổi lên làm khó cho Giáo hội, đó là dấu hiệu cho thấy Phúc Âm bắt đầu bị bóp méo sai lệch.

- Thời kỳ 2, từ thế kỷ V đến thế kỷ XV

Các bè rối phát triển, Giáo hội phải họp Công đồng để giải quyết (Công đồng Nixê và Ephêxô). Không còn được tử đạo, Kitô hữu chuyển sang lý tưởng tu dòng (thánh Anton tu rừng, thánh Bênêdictô). Các tu viện với các tu sĩ đã trở nên những trung tâm nuôi dưỡng tinh thần Phúc Âm và văn hóa trong các miền nông thôn. Trong khi đó nhiều quân mandi là di dân xâm chiếm đế quốc Rôma đang chia rẽ, cuối cùng đế quốc Rôma sụp đổ. Giáo hội đã Phúc-Âm-hóa trong thời kỳ này thế nào, bằng cách nào, cho ai, và kết quả thế nào?

a/ *Giáo hội luôn đứng vững để Phúc-Âm-hóa xã hội*, đang khi đế quốc Rôma sụp đổ dưới sức mạnh của quân mandi. Giáo hội nhờ các mục tử sáng suốt, nhất là nhờ các tu viện có các tu sĩ sinh sống, Giáo hội vẫn duy trì được truyền thống và năng động của Phúc Âm từ thời các tông đồ để củng cố đức tin cho những người đã theo đạo, lấy Phúc Âm để cảm hóa giáo dục và Phúc-Âm-hóa dân mandi, rồi còn mở rộng sang các nước Âu châu. Vì dân mandi không biết tiếng Hi Lạp Latinh, lại theo đạo tập thể nên không còn tổ chức các khóa dự tòng.

b/ Giáo hội Phúc-Âm-hóa bằng *tổ chức đời sống với Chúa và với mọi người*. Giáo hội quy định những việc làm cụ thể với Thiên Chúa như đọc kinh sáng trưa chiều (Kinh Truyền Tin), dự thánh lễ, ăn chay kiêng thịt, đi hành hương, rước kiệu, học thuộc kinh Lạy Cha, kinh Tin Kính, kinh 10 điều răn ĐCT và 6 điều răn Hội thánh, kinh Tám mối Phúc thật, kinh Thương người có 14 mối. *Với mọi người* Giáo hội tổ chức làm việc từ thiện giúp cô nhi quả phụ, chia sẻ cứu trợ người nghèo, giáo dục binh lính biết trừ gian diệt bạo, giáo dục người dân biết buôn bán hay lao động theo lương tâm nghề nghiệp.

c/ Giáo hội Phúc-Âm-hóa *mọi hạng người trong xã hội*: các Kitô hữu đạo gốc, các dự tòng, tân tòng, đa số là dân mandi không biết chữ, các viên chức nhà nước, các người buôn bán và làm các nghề.

d/ *Kết quả*: Trong mấy thế kỷ đầu từ thế kỷ V đến thế kỷ XIII, Giáo hội còn giữ được truyền thống các tông đồ để Phúc-Âm-hóa, nhất là nhờ các tu viện và các tu sĩ có mặt khắp nơi, đã cảm hóa và biến đổi con người cũng như xã hội. Rồi khi Giáo hội tổ chức đời sống đối với Chúa, với nhau và với mọi người bằng thực hành những việc làm cụ thể, rất thích hợp với đa số là dân mandi thiếu học thức, thì việc Phúc-Âm-hóa phát triển rất mạnh đến nỗi sang thế kỷ XII và XIII cả Âu châu trở thành một *Thế giới*

Kitô giáo. Tuy nhiên, sau khi Giáo hội hòa nhập với chế độ quân chủ phong kiến, giáo sĩ được nhà nước cho hưởng lộc tiền bạc đất đai để xây cất nhà thờ nhà xứ, nên sao nhãng việc Phúc-Âm-hóa; còn giáo dân không được giảng dạy giáo lý, lại không có chữ nghĩa để đọc Kinh Thánh và Phúc Âm. Đang khi đó ngoài xã hội, vào thế kỷ XV, phong trào Phục hưng các giá trị nhân văn nổi lên, đề cao tự do cá nhân, muốn tục hóa Giáo hội, đứng dung với Thiên Chúa. Đó là dấu hiệu *virus* phong kiến đã phát triển mạnh, giáo sĩ và vua chúa tranh giành đất đai danh vọng, xã hội chia rẽ, khiến cho Thế giới Kitô giáo tan rã. Mặc dầu có hai vị Thánh là Phanxicô Atxidi và Đôminicô đã lập hai dòng lớn để đổi mới, nhưng ảnh hưởng có giới hạn. Sang thế kỷ XV và XVI giáo hoàng, giám mục, tu sĩ mãi mê lo những chuyện trần thế, việc buôn thần bán thánh (ân xá) và gương xấu đã đạt mức kỷ lục... Có thể rút ra bài học lịch sử là: khi Xêda phục vụ Giáo hội thì thường gây nhiều nguy hại cho Giáo hội hơn là khi bách hại. Càng xa rời Phúc Âm của Đức Giêsu Kitô, Giáo hội càng suy sụp.

- Thời kỳ 3, từ thế kỷ XV đến nay

Thời kỳ này có rất nhiều biến cố và hoàn cảnh làm biến đổi cả Giáo hội lẫn xã hội. Xin tóm tắt:

- Năm 1520 linh mục Lutêrô cải cách Giáo hội đang suy sụp không đúng theo truyền thống các tông đồ, ly khai khỏi Giáo hội và lập Giáo hội Tin lành.
- Năm 1545 Giáo hội họp Công đồng Trentô để Phúc-Âm-hóa lại nội bộ Giáo hội theo tinh thần Phúc Âm và truyền thống các tông đồ.
- Khi khám phá Mỹ châu, Phi châu, Á châu, Úc châu, Giáo hội sai các tu sĩ giáo sĩ đi truyền giáo cho họ (thế kỷ XV- XVI).
- Từ thế kỷ XVIII là thế kỷ Ánh sáng, thế giới Âu châu biến đổi mạnh theo hướng đã bắt đầu từ thời Phục hưng (thế kỷ XV): đề cao cá nhân, khoa học, lý trí, tự do, muốn thế tục hóa, muốn tách khỏi Kitô giáo và tách khỏi cả Thiên Chúa.
- Giáo hội đã cải cách đổi mới suốt 400 năm, từ Công đồng Trentô đến Công đồng Vatican II, nhưng thần học chưa theo kịp đà phát triển trí thức, khoa học, kỹ nghệ của thế giới. Mặc dù Công đồng Vatican II đã cập nhật hóa Giáo hội nhưng sau Công đồng gần 50 năm việc cập nhật hóa vẫn chưa thấm nhập vào Dân Thiên Chúa, chưa ảnh hưởng tích cực đến thế giới. Trước những hoàn cảnh biến đổi trên, Giáo hội đã Phúc-Âm-hóa thế nào, bằng cách nào, cho ai, ở đâu và kết quả ra sao?

a/ Linh mục Lutêrô đã cải cách Giáo hội vì nhận ra rằng Giáo hội đã sống xa rời Kinh Thánh, không quan tâm học và dạy giáo lý, nên dễ chạy theo thế tục. Vì thế ngài là người đầu tiên dịch Kinh Thánh ra tiếng địa phương, soạn sách giáo lý cho người lớn và trẻ em. Nhưng ngài đã đi trệch đường, không đúng với truyền thống các tông đồ. Còn Công đồng Trentô đã Phúc-Âm-hóa lại các giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân bằng quy định kỷ luật, soạn sách lễ, sách các giờ Kinh, sách các bí tích, sách giáo lý, giúp các cha xứ dạy giáo lý, nhưng không dịch Kinh Thánh (mãi tới Công đồng Vatican II mới có Kinh Thánh bằng tiếng địa phương). Khi khám phá các châu lục mới bên ngoài Âu châu, Giáo hội sai các tu sĩ các dòng Phanxicô, Đôminicô, dòng Tên... đến với họ để Phúc-Âm-hóa.

b/ Giáo hội không chỉ Phúc-Âm-hóa bằng loan báo Phúc Âm mà còn Phúc-Âm-hóa bằng chính đời sống với Chúa và với mọi người theo truyền thống các tông đồ. Giáo hội tổ chức cầu nguyện, lãnh các bí tích, sống hiền lành, khó nghèo, Giáo hội cũng hội nhập Phúc Âm vào xã hội Âu Châu, và vào cả các nước trên khắp thế giới.

c/ Giáo hội Phúc-Âm-hóa các Kitô hữu của mình, dân chúng sống ở khắp Âu châu, và còn lo Phúc-Âm-hóa cho nhiều dân tộc ở ngoài Âu châu, sống trong những vùng đất mênh mông trên khắp các lục địa mới khám phá. Đặc biệt sang thế kỷ XVIII trở đi, Giáo hội phải đối mặt với những người theo thế kỷ Ánh sáng, chủ trương tục hóa, chống lại Giáo hội. Thế kỷ gần đây khoa học, kỹ thuật còn phát triển mau chóng vượt bậc, và thế giới còn được toàn cầu hóa.

d/ *Kết quả*: Cuộc cải cách của linh mục Lutêrô đã trệch ra khỏi truyền thống của các tông đồ, kéo theo một nửa số Kitô hữu Âu châu (lúc đó khoảng 40 triệu) ly khai khỏi Giáo hội, lấy tên là Giáo hội Tin lành, gây chia rẽ trong Giáo hội cho tới ngày nay chưa hàn gắn được. Cuộc cải cách của Công đồng Trentô đã giúp Giáo hội hồi phục nếp sống theo Phúc Âm, và được duy trì suốt 400 năm cho tới Công đồng Vatican II. Khi các nhà truyền giáo được sai đến muôn dân ở các châu lục mới, các ngài đã đem đến nếp sống Kitô giáo theo văn hóa Âu châu để truyền lại cho các dân như Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam. Các dân này đã có sẵn một tôn giáo hoặc tín ngưỡng từ lâu đời, như Phật giáo, đạo ông bà... vì thế việc truyền giáo khó phát triển (đạo của Tây). Cho tới nay ở Á châu mới chỉ có 3% là Công giáo. Sang thế kỷ XVIII, thế kỷ Ánh sáng với phong trào đề cao tự do cá nhân, đề cao lý trí và khoa học, việc tục hóa càng mạnh, nhiều Kitô hữu đã tách rời khỏi Giáo hội và cả Thiên Chúa nữa. Còn Giáo hội chưa kịp phát triển thần học để Phúc-Âm-hóa các hoàn cảnh và tình huống mới đó. Nên từ việc Giáo hội kết án nhà khoa học Galilê là lạc đạo khi ông quả quyết trái đất xoay quanh mặt trời (1633), (mãi đến thời Đức Gioan Phaolô II năm 1992 mới phục hồi danh dự cho ông), cho đến việc Giáo hội không ngăn cản được 2 nước theo Kitô giáo làm cách mạng: Pháp (1789) và Nga (1917); và cũng không ngăn cản được nhiều nước theo Kitô giáo gây ra hai cuộc thế chiến 1914 – 1918 và 1939 – 1945, giết chết cả 70 triệu người. Sau 2 thế chiến còn tiếp tục có chiến tranh lạnh giữa 2 khối tự do và cộng sản. *Uy tín Giáo hội với thế giới giảm sút, nhiều Kitô hữu rời bỏ Kitô giáo hoặc theo các giáo phái khác.* Mặc dù Công đồng Vatican II (1965) giúp Giáo hội cập nhật với thế giới, tuy nhiên gần 50 năm sau Công đồng, việc cập nhật hóa tiến triển chậm chạp. Dịp Năm Thánh 2000, Đức Gioan Phaolô II nhìn nhận rằng việc Phúc-Âm-hóa vẫn còn ở giai đoạn đầu, và kêu gọi toàn Giáo hội phải khẩn cấp Tân Phúc-Âm-hóa. Từ thế kỷ XX cho tới nay, thế giới còn phát triển khoa học và kỹ nghệ hạt nhân, được ứng dụng vào y tế (máy hiển vi điện tử), giao thông (máy bay siêu thanh), truyền thông (vi tính, điện thoại di động ...), và thế giới đang được toàn cầu hóa nữa.

4. Tân Phúc Âm Hóa

Qua ba số 1, 2, 3 ta đã hiểu Phúc-Âm-hóa là gì, rồi xem kết quả việc Phúc-Âm-hóa từng thời kỳ ta cũng dễ dàng nhận ra tại sao ngày nay phải Tân Phúc-Âm-hóa. Đức Giêsu Kitô đã dạy ta một nguyên tắc để phán đoán là “cứ xem quả thì biết cây” (Mt 12, 33). Cây không còn sinh hoa trái tốt là cây có vấn đề. Ta cũng biết tâm điểm của Phúc-Âm-hóa là gặp gỡ chính Đức Giêsu Kitô để Phúc Âm của Người biến đổi con người thành con người được Phúc-Âm-hóa. Có được Phúc-Âm-hóa rồi, ta mới có thể Phúc-Âm-hóa người khác. Đức Giêsu Kitô và Phúc Âm của Người thì không biến đổi bao giờ: “Đức Giêsu Kitô vẫn là một, hôm qua cũng như hôm nay và như vậy mãi đến muôn đời” (Dt 13, 8); nhưng thế giới và con người sống trong thế giới thì luôn đổi

thay. Do đó Tân Phúc-Âm-hóa không phải là loan báo một Phúc Âm mới mà là Phúc-Âm-hóa một cách mới mẻ, nói cho cụ thể là phải đổi mới người Phúc-Âm-hóa để họ có một *niệt tình mới*, để họ biết dùng *những phương pháp mới*, để họ có thể *trình bày Phúc Âm một cách mới mẻ* phù hợp với con người của thời đại hôm nay. Người của thời đại hôm nay tin vào kinh nghiệm và việc làm hơn là lý thuyết lý luận, họ là người duy vật nên nhạy cảm với những gì họ thấy được, đụng chạm sờ mó được. Đức Giêsu Kitô và năng động của Phúc Âm luôn ở cùng Giáo hội cho đến ngày tận thế, giúp Giáo hội Tân Phúc-Âm-hóa, *Giáo hội luôn luôn phải cải cách* (Ecclesia semper reformanda), mà Giáo hội là các Kitô hữu. Vậy Kitô hữu muốn Tân Phúc-Âm-hóa để thông truyền đức tin Kitô giáo thì chính Kitô hữu phải được Tân Phúc-Âm-hóa trước hết, có thể mới hòng Phúc-Âm-hóa con người và thế giới được.

ĐỂ KẾT

Chuyện kể là một triết gia Ấn độ đã nhìn lại quãng đời của mình như sau: Lúc còn trẻ tôi là một người có đầu óc cách mạng. Lời cầu nguyện duy nhất của tôi dâng lên Thượng Đế là: “Lạy Chúa, xin ban cho con nghị lực để thay đổi thế giới”. Đến tuổi trung niên, tôi mới nhận thấy rằng nửa đời tôi đã qua đi mà tôi chưa thay đổi được một người nào. Lúc đó, tôi mới cầu nguyện với Thượng Đế: “Lạy Chúa xin ban cho con được ơn biến đổi tất cả những người con gặp gỡ hằng ngày, nhất là gia đình con, bạn bè con. Và như vậy là đủ cho con mãn nguyện rồi”. Nhưng giờ đây, tóc đã bạc, răng đã long, ngày tháng còn lại chỉ đếm trên đầu ngón tay, tôi mới nhận thức rằng tôi đã khờ dại biết chừng nào. Giờ này, tôi chỉ biết cầu nguyện như sau: “Lạy Chúa, xin ban cho con được ơn thay đổi chính con”. Nếu tôi biết cầu nguyện như thế này ngay từ lúc đầu thì tôi đã không phí phạm quãng đời đã qua.

Khoảng 600 năm trước Đức Giêsu Kitô, Đức Không tử đã dạy các đệ tử của ngài phải tu thân thì mới tề gia được, có tề gia thì mới trị quốc được... Đức Giêsu Kitô đã tự nguyện xuống thế làm người cách đây khoảng 2000 năm để Phúc-Âm-hóa loài người và thế giới bằng chu toàn ba sứ vụ là: tư tế, ngôn sứ, vương giả. Tư tế là người *hiến thân* chuộc tội và *cầu thay nguyện giúp* cho đời; ngôn sứ là người *loan báo* cho đời biết Thiên Chúa cũng như biết mình, và *tố cáo* mọi tội ác bất công; vương giả là người *làm tôi tớ phục vụ* cho hạnh phúc mọi người như Người dạy (x. Mt 20, 26-28). Kitô hữu là bạn hữu của Đức Giêsu Kitô, dù là ai cũng phải Phúc-Âm-hóa mình sao cho giáo hoàng ra giáo hoàng, giám mục ra giám mục, linh mục ra linh mục, tu sĩ ra tu sĩ, giáo dân ra giáo dân, để tự nguyện chu toàn ba sứ vụ cho tốt. Nếu chỉ là tư tế biết đọc kinh xem lễ theo đúng “chữ đờ” mà không hiệp thông với Đức Giêsu Kitô hiến mình cho Thiên Chúa và mọi người; nếu chỉ là ngôn sứ giảng thuyết rất hùng hồn mà không loan báo Phúc Âm và không dám tố cáo tội ác bất công; nếu chỉ là vương giả để sống như ông vua độc tài quan liêu, xa hoa, hưởng thụ, vô cảm với người nghèo khổ bệnh tật bị áp bức... thì phải cầu xin Thiên Chúa đổi thay chính mình trước. Thánh Gioan tông đồ trong sách Khải huyền đã khuyên Kitô hữu mua thuốc đau mắt để nhỏ mắt cho thấy được (Kh 3, 13). Nhà văn Anh có tinh thần công giáo ngày nay đã viết một câu rất ngắn gọn sâu sắc: Bác ái phải bắt đầu từ bản thân, từ nhà mình trước (*charity begins at home*). Vì thế dù bây giờ còn trẻ, đã lớn, hay đã già, không bao giờ tu thân là muộn. Người Anh có câu châm ngôn rất hay là “muộn còn hơn không” (*better late than never*).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

1. Tân Phúc-Âm-hóa có phải là làm cho Phúc Âm biến đổi thành Phúc Âm mới không? Tại sao? Nếu không phải thì là đổi mới cái gì?
2. Những nguyên nhân chính nào khiến giáo hội phải khẩn cấp Tân Phúc-Âm-hóa?
3. Bạn có thể làm gì để giúp gia đình bạn tham gia việc Tân Phúc-Âm-hóa?.
4. Bạn có thể làm gì để giúp các giáo dân trong giáo xứ bạn tham gia việc Tân Phúc-Âm-hóa?
5. Bạn hãy cắt nghĩa vắn tắt: sứ vụ Tư Tế, sứ vụ Ngôn Sứ, và sứ vụ Vương Giả là gì?
6. Đức Giêsu Kitô đã trao cho mỗi Kitô hữu ba sứ vụ kể trên, bản thân bạn đã làm gì để thi hành các sứ vụ đó nơi gia đình và giáo xứ bạn?
7. Bạn tìm hiểu xem Giáo hội đã Phúc-Âm-hóa thế nào mà cả Âu châu biến đổi thành thế giới Kitô giáo?
8. Bạn tìm hiểu xem tại sao thế giới Kitô giáo đã tan rã?
9. Bạn tìm hiểu xem việc Phúc-Âm-hóa các nước Á châu đã gặp phải những khó khăn nào khiến không được phát triển?
10. Bạn thấy từ thế kỷ XVIII đến nay thế giới đã đổi mới như thế nào về khoa học, kỹ thuật, giao thông, truyền thông... về toàn cầu hóa? Còn Giáo hội đã có biến đổi gì?

[Bài này được soạn nhằm giúp các đoàn thể học hỏi về Tông huấn “Tân Phúc-Âm-hóa để thông truyền đức tin Kitô giáo” (2012)]

*Chúa nhật Truyền Giáo 2013
Linh mục Antôn Nguyễn mạnh Đồng
Nhà Hưu dưỡng Linh mục Cần Thơ*

Tài liệu tham khảo:

- Tông huấn “Tân Phúc Âm Hóa để thông truyền đức tin Kitô giáo”, thành Vatican, 2012
- Théo, *Le Temps de Jésus*, Droguet-Ardant/Fayard, 1989

Lm Antôn Nguyễn Mạnh Đồng

<http://www.hdgmvietnam.org/tim-hieu-tai-sao-tan-phuc-am-hoa/5467.42.10.aspx>